

Bản án số: 12/2024/DS-ST.

Ngày: 29-01-2024.

"V/v Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cường.

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thủy Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Bùi Chí T**, sinh năm 1980; địa chỉ: **Khóm D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long**; người đại diện theo ủy quyền: Bà **Phan Thị Khánh L**, sinh năm 1990; địa chỉ: **Ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long**; đại chỉ liên hệ: **Ấp F, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long** (Theo Giấy ủy quyền ngày 16/10/2023) (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Phạm Thành T1**, sinh năm 1974; địa chỉ: **Số B, đường P, Phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long** (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 16/10/2023 và trong quá trình giải quyết bà **Phan Thị Khánh L** là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Bùi Chí T** trình bày như sau:

Do là bạn bè thân thiết nên ngày 27/10/2022 ông T có cho ông T1 vay số tiền là 350.000.000 đồng; khi vay không thỏa thuận lãi suất; thỏa thuận miệng thời hạn trả nợ là 01 năm (từ ngày 27/10/2022 đến ngày 27/10/2023); không có thế chấp tài sản; mục đích ông T1 vay tiền để đáo hạn ngân hàng. Ông T giao cho ông T1 số tiền 350.000.000 đồng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh V - Phòng G. Trong quá trình vay ông T1 chưa trả cho ông T số tiền vốn lãi lần nào, mặc dù ông T điện thoại cho ông T1 rất nhiều lần để yêu cầu trả lại số tiền vay nhưng ông T1 trốn tránh, hứa hẹn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay ông T yêu cầu cá nhân ông T1 phải trả lại số tiền vốn còn nợ là 350.000.000 đồng, ông T không yêu cầu tính tiền lãi.

Tại phiên tòa bà L vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và không bổ sung hay yêu cầu gì khác.

- Bị đơn ông Phạm Thành T1 nhận được Thông báo thụ lý vụ án nhưng không có văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án và không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, ông T1 được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng ông T1 vắng mặt là chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự; thời hạn đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo về thời hạn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX tuyên xử:

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, 464, 465, 466 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Chí T. Buộc ông Phạm Thành T1 phải trả cho ông Bùi Chí T số tiền vốn còn nợ là 350.000.000 đồng, ông T không yêu cầu tính tiền lãi.

Buộc ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn cư trú tại thành phố V được Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long thụ lý phù hợp về thẩm quyền quy định

điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Mục đích bị đơn vay tiền để đáo hạn ngân hàng, không nhằm mục đích kinh doanh nên có căn cứ xác định đây là vụ án tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông **T1** được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông **T1** là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **T**: Xét ông **T** có cho ông **T1** vay số tiền 350.000.000 đồng là có thật căn cứ vào biên nhận ngày 27/10/2022 do ông **T** giao nộp có chữ ký tên của ông **T1** phía bên người mượn tiền, ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án ông **T1** được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của ông **T** nhưng không có ý kiến hoặc phản bác đối với yêu cầu này. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông **T1** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015, do đó ông **T** yêu cầu ông **T1** phải trả lại số tiền vốn còn nợ là 350.00.000 đồng là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[4.2] Xét về tiền lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà **L** là người đại diện theo ủy quyền của ông **T** không yêu cầu tính tiền lãi do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông **T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông **T** không phải chịu tiền án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 463, 466 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Bùi Chí T**. Buộc ông **Phạm Thành T1** phải trả cho ông **Bùi Chí T** số tiền vốn còn nợ là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), ông **T** không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Buộc ông **Phạm Thành T1** phải chịu 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông **Bùi Chí T** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 8.750.000 đồng (Tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số N₀ 0000120 nộp ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh Long.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- Viện Kiểm Sát TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Trường